

— Bảo đảm vật tư bán trực tiếp cho người tiêu dùng theo đúng giá quy định của Nhà nước.

— Không được mua đi bán lại, kiên quyết xử lý những trường hợp sai phạm (mua đi bán lại, đầu cơ, bán sai giá...).

3. Quyết định này được thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1987. Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng Bộ Tài chính hướng dẫn và quy định cụ thể để thực hiện và đơn đốc kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ chỉ tiêu bán lẻ để xây dựng các chỉ tiêu thu chi tài chính, tiền tệ.

4. Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
ĐỖ MUỜI

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ của Bộ Tài chính số 31-TC/NLTL ngày 14-10-1986 hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong các xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh.

Thi hành Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 quy định tạm thời về quyền tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở, sau khi trao đổi với Bộ Nông nghiệp, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích quỹ xí nghiệp trong các đơn vị thực hiện hạch toán kinh tế độc lập như nông trường, trung tâm, viện, trạm trại nông nghiệp quốc doanh (dưới đây gọi tắt là xí nghiệp nông nghiệp) như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp nông nghiệp quy định dựa trên số lợi nhuận thực sự làm ra của đơn vị, có xem xét các yếu tố khách quan trong sản xuất nông nghiệp như thời tiết, điều kiện canh tác, độ phì của đất đai và mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh, nguyên tắc phân phối theo lao động và sự công bằng giữa các xí nghiệp, giữa trồng trọt và chăn nuôi, kết hợp hài hòa ba mặt là lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể xí nghiệp và lợi ích cá nhân người lao động.

Thông qua chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp nông nghiệp, phải khuyến khích các đơn vị khai thác đầy đủ năng lực của vườn cây, đàn gia súc, gia cầm trong năm kế hoạch, nhưng đồng thời phải chú ý đến việc thâm canh cho lợi ích lâu dài.

2. Căn cứ để thực hiện chế độ phân phối lợi nhuận là số lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận thực tế đạt được của xí nghiệp nông nghiệp:

— Lợi nhuận kế hoạch hàng năm của xí nghiệp được xác định trên

cơ sở tổng doanh thu kế hoạch tính theo giá bán sản phẩm (sau khi đã trừ đi các khoản chênh lệch giá nếu có) trừ đi tổng giá thành kế hoạch và thu quốc doanh (hoặc thuế) phải nộp.

Lợi nhuận kế hoạch của xí nghiệp nông nghiệp bao gồm toàn bộ lợi nhuận của các phần sản xuất kinh doanh như sản xuất chính, sản xuất phụ, lợi nhuận do xây dựng cơ bản tự làm như khai hoang, trồng mới, chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản... phải được kế hoạch hóa trong một kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính thống nhất của đơn vị.

— Lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp bao gồm các khoản lợi nhuận nói trên và được xác định trên cơ sở tổng doanh thu thực hiện trừ đi tổng giá thành thực tế được duyệt, trừ đi thu quốc doanh (kể cả khoản thu quốc doanh bổ sung) hoặc thuế và khoản thu về chênh lệch giá (giữa giá bán kế hoạch và giá bán thực tế) nếu có.

3. Lợi nhuận của sản xuất phụ bằng phế liệu phế phẩm, bằng tận dụng đất đai trồng xen các loại cây trồng để cải tạo đất... được phân phối theo tỷ lệ khuyến khích, các khoản lợi nhuận còn lại được phân phối theo những tỷ lệ thống nhất.

Phần lợi nhuận vượt kế hoạch được khuyến khích với tỷ lệ phần trăm để lại xí nghiệp cao hơn.

Ngược lại nếu xí nghiệp không hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh thì sẽ phạt trừ vào phần lợi nhuận để lại xí nghiệp nhằm tránh tình trạng xí nghiệp chỉ chạy theo lợi nhuận, hạch toán tăng lợi nhuận không chú ý thực hiện đầy đủ quy trình thâm canh nên không hoàn thành chỉ tiêu số lượng và chất lượng sản phẩm

gây tác hại lâu dài đến vườn cây và đàn gia súc.

4. Căn cứ để tính mức trích quỹ xí nghiệp là lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp, còn điều kiện để được trích lập quỹ xí nghiệp là lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước và các chỉ tiêu pháp lệnh chủ yếu khác.

Xí nghiệp được thực hiện việc trích lập 3 quỹ kịp thời ngay từng quý trong năm, sau khi hoàn thành nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước theo kế hoạch.

5. Mở rộng hơn phạm vi sử dụng lợi nhuận, phạm vi sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi quỹ khen thưởng, nhằm nâng cao quyền tự chủ của xí nghiệp trong phần sử dụng lợi nhuận để lại cho xí nghiệp.

II. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP

1. Kế hoạch hóa phân phối lợi nhuận:

Tổng số lợi nhuận kế hoạch của xí nghiệp (trừ lợi nhuận sản xuất phụ) được phân phối theo tỷ lệ: để lại xí nghiệp 50% và nộp ngân sách Nhà nước 50%.

Riêng đối với lợi nhuận kế hoạch của sản phẩm sản xuất phụ được kế hoạch hóa để lại xí nghiệp 70% và nộp ngân sách Nhà nước 30%.

Toàn bộ phần lợi nhuận để lại xí nghiệp theo kế hoạch được phân phối cho 3 quỹ theo tỷ lệ quy định như sau:

— Cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất từ 35 đến 50%, mức cụ thể trong khoảng từ 35 đến 50% do Bộ, Sở chủ quản

quy định cho phù hợp với yêu cầu và đặc điểm sản xuất của từng xí nghiệp, từng ngành (trồng trọt, chăn nuôi).

— Số lợi nhuận trích vào 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi trong đó khoảng 2/3 cho quỹ khen thưởng và khoảng 1/3 cho quỹ phúc lợi do Giám đốc xí nghiệp quyết định sau khi có ý kiến tham gia của công đoàn cơ sở.

Xí nghiệp không được lấy phần lợi nhuận và phần khấu hao cơ bản phải nộp ngân sách Nhà nước hoặc các khoản phải nộp khác để trả nợ tiền vay Ngân hàng về đầu tư mua sắm tài sản cố định.

2. Thực hiện phân phối lợi nhuận.

Trên cơ sở tổng số lợi nhuận kế hoạch, số lợi nhuận phải nộp ngân sách của xí nghiệp nói trên được duyệt và trở thành chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước giao cho xí nghiệp.

Số lợi nhuận phải nộp ngân sách Nhà nước theo kế hoạch được phân thành các quý căn cứ vào thời vụ thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp. Xí nghiệp có nhiệm vụ nộp đầy đủ kịp thời vào ngân sách Nhà nước theo kế hoạch và phần lợi nhuận vượt kế hoạch.

Số được trích 3 quỹ theo kế hoạch cả năm nói trên được phân ra các quý và xí nghiệp được tạm trích 70% vào mỗi quý trong các quý, sau khi đã hoàn thành việc nộp lợi nhuận và các khoản thu khác vào ngân sách Nhà nước theo kế hoạch được duyệt của quý đó và có ý kiến xác nhận của cơ quan tài chính (Chi cục thu quốc doanh và quản lý xí nghiệp Trung ương đối với các đơn vị xí nghiệp Trung ương, hoặc tài chính địa phương đối với các xí nghiệp địa phương).

Hết năm khi xét duyệt quyết toán (bao gồm việc xét duyệt đề trích lập chính thức các quỹ xí nghiệp) xí nghiệp sẽ được tính toán đầy đủ số trích lập 3 quỹ theo thứ tự như sau:

— Tổng số lợi nhuận thực hiện trong phạm vi của số kế hoạch lợi nhuận đã được duyệt thì phân phối như quy định ở mục 1 phần II nói trên, 50% nộp ngân sách Nhà nước, 50% để lại xí nghiệp đối với sản xuất chính, đối với lợi nhuận của phần sản xuất phụ, 30% nộp ngân sách Nhà nước, 70% để lại xí nghiệp. Trường hợp xí nghiệp không hoàn thành kế hoạch nộp lợi nhuận của sản xuất chính (trên cơ sở lợi nhuận thực hiện) thì số lợi nhuận của sản xuất phụ phải nộp ngân sách 50% để lại xí nghiệp 50%.

Tỷ lệ phân phối lợi nhuận của sản xuất phụ được áp dụng chung cho cả phần trong kế hoạch và vượt kế hoạch.

Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch của kế hoạch sản xuất chính được phân phối như sau: nộp ngân sách Nhà nước 20% để lại xí nghiệp 80%.

Phần lợi nhuận để lại xí nghiệp (kể cả trong kế hoạch và vượt kế hoạch) được phân phối cho 3 quỹ theo tỷ lệ quy định như ở điểm 1 mục II, sau khi trừ đi các khoản phải nộp phạt về vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm kỷ luật tiền mặt, tín dụng thanh toán, chi trả các khoản bất hợp lý, bất hợp lệ không được hạch toán vào giá thành như các khoản chi phí tiêu cực, lãng phí, v.v...

Nếu xí nghiệp không hoàn thành 3 (hoặc 2, hoặc 1 tùy theo loại xí nghiệp) chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chủ yếu nói sau đây:

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (trong đó ghi rõ kim ngạch xuất khẩu nếu có).

— Sản phẩm chủ yếu với quy cách và chất lượng quy định tiêu thụ theo kế hoạch và hợp đồng (trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu nếu có).

— Các khoản nộp ngân sách (phần lợi nhuận nộp và các khoản nộp khác).

Thi cứ mỗi phần trăm không hoàn thành về 1 trong 2 chỉ tiêu thứ nhất và thứ 2 phải trừ đi 2% số tiền được trích cho mỗi quý (3 quý), và mỗi phần trăm không hoàn thành chỉ tiêu thứ 3, phải trừ đi 3% số tiền được trích cho mỗi quý.

Khi đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu « các khoản nộp ngân sách » cần phải so sánh tổng số các khoản nộp thực tế với tổng số các khoản nộp theo kế hoạch và phần tương ứng vượt kế hoạch nộp bao gồm số nộp lợi nhuận thu quốc doanh (hoặc thuế), khấu hao cơ bản phải nộp và các khoản phải nộp khác như chênh lệch giá nếu có... và các khoản nộp thực tế đó chỉ được xác nhận trong phạm vi của số phát sinh phải nộp.

Ví dụ :

Đơn vị : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Theo kế hoạch		Theo thực tế			Số đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch nộp ngân sách	
	Tổng số phát sinh	Số phải nộp	Tổng số phát sinh	Số phải nộp	Số đã nộp trong năm	Tổng số	Tỷ lệ hoàn thành
Lợi nhuận	18	9	16	8	10	8	
Thu quốc doanh	10	10	15	15	11	11	
Khấu hao cơ bản	6	3	4	2	2	2	
Các khoản nộp ngân sách	34	22	35	25	23	21	$\frac{21 \times 100}{22} = 95,45\%$

Nếu xí nghiệp vi phạm chế độ chính sách quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước như vi phạm chế độ báo cáo thống kê kế toán, nộp không kịp thời khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước, kể cả các khoản phải nộp vượt kế hoạch, v.v., thi cứ mỗi vi phạm sẽ tùy theo mức độ vi phạm mà giảm trừ từ 2 đến 5% số tiền được trích cho mỗi quý (3 quý).

Các số phạt trừ nói trên vào 3 quý của xí nghiệp phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều kiện về thời điểm xí nghiệp được trích đủ (100%) số lợi nhuận để lại xí nghiệp lập 3 quý theo những quy định

nói trên là xí nghiệp phải hoàn thành 100% số lợi nhuận phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định (có xác nhận của cơ quan tài chính cùng cấp) trên cơ sở số liệu xét duyệt quyết toán hàng năm cho xí nghiệp.

3. Đối với những đơn vị có lỗ theo chính sách giá cả của Nhà nước và nằm trong danh mục những xí nghiệp được Nhà nước cho phép cấp bù lỗ thì áp dụng phương thức phân phối lợi nhuận như sau :

Xí nghiệp được hưởng mức trích cơ bản vào 2 quý khen thưởng và phúc lợi là 2 tháng lương cơ bản thực hiện trong năm,

trong đó khoảng 2/3 cho quỹ khen thưởng và 1/3 cho quỹ phúc lợi.

Mức trích cơ bản vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp được tính bằng 1% nguyên giá tài sản cố định bình quân dùng trong năm và tài sản lưu động trong định mức.

Nếu xí nghiệp không hoàn thành 2 (hoặc 1 tùy theo loại xí nghiệp) chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chủ yếu cả năm nói sau đây thì cứ mỗi phần trăm không hoàn thành về 1 chỉ tiêu phải trừ đi 2% vào mức trích cơ bản của mỗi quỹ (3 quỹ):

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (trong đó nói rõ kim ngạch xuất khẩu, nếu có).

— Sản phẩm chủ yếu với quy cách và chất lượng quy định theo kế hoạch và hợp đồng (trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và xuất khẩu, nếu có).

— Riêng chỉ tiêu lỗ thực hiện (kể cả các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm kỷ luật tiền mặt, tín dụng, thanh toán, các khoản chi bất hợp lý, bất hợp lệ không được hạch toán vào giá thành như các khoản chi phí tiêu cực, lãng phí) cứ mỗi phần trăm tăng lỗ so với kế hoạch phải trừ đi 3% số tiền được trích cho mỗi quỹ (3 quỹ). Khi đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu này, xí nghiệp được loại trừ khoản lỗ tăng do Nhà nước tăng giá vật tư và tăng sản lượng tiêu thụ.

Nếu xí nghiệp vi phạm chế độ chính sách quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước như vi phạm các chế độ báo cáo thống kê — kế toán nộp không đầy đủ, không kịp thời các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước kể cả các khoản phải nộp vượt kế hoạch, thì cứ mỗi vi phạm

tùy theo mức độ vi phạm mà giảm trừ từ 2 đến 5% số tiền được trích của mỗi quỹ (3 quỹ).

Nếu xí nghiệp có giảm lỗ kế hoạch do đã phấn đấu chủ quan làm hạ giá thành sản phẩm thì được coi số giảm lỗ như lãi vượt kế hoạch và được trích thêm vào 3 quỹ với mức trích tổng số bằng 80% số đã giảm lỗ so với kế hoạch. Mức phân bổ vào mỗi quỹ cũng như quy định ở điểm 1, mục II của Thông tư này.

Các xí nghiệp loại này cũng được tạm cấp 70% số trích vào 3 quỹ theo kế hoạch hàng quý, sau khi hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lỗ và các khoản phải nộp ngân sách và có ý kiến xác nhận của cơ quan thu quốc doanh hoặc tài chính địa phương.

Số chính thức được cấp để trích lập 3 quỹ theo những quy định nói trên sẽ dựa trên cơ sở số liệu xét duyệt quyết toán hàng năm của xí nghiệp.

4. Việc trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ tài chính và quỹ Bộ trưởng ở các cơ quan quản lý cấp trên được quy định như sau:

a) Xí nghiệp sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất để bổ sung cho nhu cầu tăng vốn lưu động, vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản theo chiều sâu, phát triển mặt hàng mới, mở rộng sản xuất chính và sản xuất phụ, nộp lên cơ quan quản lý cấp trên để lập quỹ nghiên cứu khoa học kỹ thuật tập trung theo kế hoạch hàng năm của xí nghiệp.

Trích từ 1 đến 3% quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của các xí nghiệp để lập quỹ dự trữ tài chính tập trung ở các cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp như Tổng công ty, Liên hiệp các xí nghiệp

(không hạch toán kinh tế tập trung) hoặc Bộ chủ quản. Mức cụ thể (từ 1 — 3%) do các cơ quan quản lý cấp trên đó quy định căn cứ vào nhu cầu cụ thể của từng ngành. Ở cấp Bộ được lập quỹ dự trữ tài chính tập trung bằng nguồn trích từ quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của những đơn vị trực thuộc hạch toán kinh tế độc lập.

b) Các Tổng công ty, Liên hiệp xí nghiệp không phải là những đơn vị hạch toán kinh tế tập trung đã được trích lập quỹ dự trữ tài chính thì không phải nộp lên Bộ chủ quản để lập quỹ này ở cấp Bộ.

Đối với các đơn vị cơ sở kinh tế địa phương, quỹ dự trữ tài chính chỉ được lập ở các Liên hiệp xí nghiệp, Tổng công ty không hạch toán kinh tế tập trung, không lập quỹ này ở các cơ sở chủ quản.

Quỹ dự trữ tài chính tập trung ở Tổng công ty, Liên hiệp xí nghiệp hoặc Bộ chủ quản được sử dụng để hỗ trợ kịp thời những khó khăn bất thường về tài chính cho các đơn vị xí nghiệp cơ sở trực thuộc theo nguyên tắc cấp phát có hoàn lại hoặc không hoàn lại do cơ quan chủ quản cấp trên có quỹ đó quyết định.

c) Dành 1% quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng của xí nghiệp để lập quỹ Bộ trưởng. Nếu cấp trên trực thuộc của xí nghiệp là Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng công ty không phải là những đơn vị hạch toán kinh tế tập trung thì 1% đó được trích làm 2 phần: 0,5% để lập quỹ Tổng giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng giám đốc Công ty và 0,5% được chuyển lên Bộ để lập quỹ Bộ trưởng. Trường hợp Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng công ty là những đơn vị hạch toán kinh tế tập trung thì phải dành 1% quỹ phúc lợi và khen thưởng

của mình để lập quỹ Bộ trưởng (có chế độ riêng quy định sử dụng quỹ Bộ trưởng).

5. Không hạn chế mức tối đa quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhưng khi tổng số trích vào 2 quỹ đó vượt quá 50% quỹ lương cơ bản thực hiện cả năm của công nhân viên chức xí nghiệp, thì xí nghiệp phải nộp một khoản điều tiết theo tỷ lệ lũy tiến như sau:

— Từ 51 đến 70% quỹ lương cơ bản thực hiện, xí nghiệp phải nộp vào ngân sách Nhà nước 50% và 10% nộp cơ quan quản lý cấp trên để lập quỹ dự trữ tài chính, số còn lại 40% bổ sung vào các quỹ xí nghiệp, vào quỹ nào, bao nhiêu do Giám đốc xí nghiệp quyết định.

— Từ 71% quỹ lương cơ bản thực hiện trở đi, xí nghiệp phải nộp vào ngân sách Nhà nước 70% và 10% nộp lên cơ quan quản lý cấp trên để lập quỹ dự trữ tài chính, số còn lại 20% để bổ sung vào các quỹ xí nghiệp do Giám đốc xí nghiệp quyết định.

6. Đối với các cơ quan Liên hiệp xí nghiệp, Tổng công ty không phải là những đơn vị hạch toán kinh tế độc lập (không thuộc đối tượng xét trích lập 3 quỹ xí nghiệp) được trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi bằng mức trích bình quân thực tế đạt được 2 quỹ đó trên đầu người tổng số công nhân viên chức các đơn vị trực thuộc xí nghiệp và Tổng công ty.

Nguồn trích lập 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi của cơ quan Liên hiệp xí nghiệp và Tổng công ty là phần lợi nhuận để lại xí nghiệp của các đơn vị xí nghiệp trực thuộc. Mức phân bổ cho từng đơn vị xí nghiệp trực thuộc do Giám đốc Liên hiệp

xí nghiệp, Tổng Công ty quyết định tùy theo yêu cầu và khả năng cụ thể của từng đơn vị xí nghiệp.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Căn cứ vào nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao cho ngành chủ quản, ngay từ cuối năm trước hoặc đầu năm kế hoạch, các cơ quan chủ quản cấp trên phải giao kế hoạch tài chính cho các đơn vị cơ sở trực thuộc, trong đó có kế hoạch phân phối lợi nhuận. Các cơ quan chủ quản cấp trên phải giao kế hoạch lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước cho các xí nghiệp trực thuộc mình, không được thấp hơn kế hoạch Nhà nước giao và phải chịu trách nhiệm về hoàn thành kế hoạch nộp lợi nhuận cho Nhà nước. Trường hợp nếu giao kế hoạch thấp hơn thì cứ mỗi phần trăm giao hụt kế hoạch bị phạt trừ 2% tổng số quỹ Bộ trưởng (hoặc quỹ Tổng giám đốc Tổng công ty, Liên hiệp xí nghiệp) được trích trong năm. Số bị phạt trừ này phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Các đơn vị cơ sở phải đăng ký kế hoạch trích lập 3 quỹ có phân bổ ra từng quý với cơ quan tài chính cùng cấp và ngân hàng địa phương và được trích hàng quý như quy định ở mục II Thông tư này.

3. Khi duyệt quyết toán chính thức hàng năm cho đơn vị cơ sở, cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cấp trên với sự tham gia của cán bộ chuyên quản tài chính xí nghiệp tại địa phương duyệt số lợi nhuận chính thức để lại xí nghiệp trích lập 3 quỹ và các nhu cầu khác như quy định ở điểm 2, mục II Thông tư này và xác định số lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước. Nếu xí nghiệp sử dụng quá số lợi

nhuận để lại được duyệt, thì phải trừ vào số trích của năm sau và ngược lại nếu thiếu được trích thêm.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-7-1986 và được áp dụng cho việc phân phối lợi nhuận cả năm 1986 của các xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh Trung ương và địa phương thuộc tất cả các ngành kinh tế. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

HỒ TẾ

BỘ THỦY SẢN

THÔNG TƯ của Bộ Thủy sản số 4-TS/TT ngày 23-10-1986 hướng dẫn thực hiện Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 151-CT ngày 21-6-1986 về tổ chức lại sản xuất nghề cá trên các ngư trường.

Đề tổ chức thực hiện Quyết định số 151-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 21-6-1986 về tổ chức lại sản xuất nghề cá trên các ngư trường; trong Thông tư này Bộ Thủy sản hướng dẫn mục 1 và 3 của Quyết định. Các phần nội dung về an ninh vùng biển, mạng lưới thông tin bảo vệ nguồn lợi... Bộ Thủy sản sẽ cùng với các ngành có liên quan ra thông tư hướng dẫn sau.